TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/DS-PT
Ngày: 19 - 3 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Phạm Thanh Tùng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Lâm Thăng Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 347/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1949 (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1951 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông C: Bà Lê Thị H, sinh năm 1951; cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2023). (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L có tham gia 01 dây hụi do bà H và ông C làm chủ hụi, cụ thể như sau: Hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 02/3/2017 âm lịch, có 15 phần, bà L tham gia 01 phần tên trong giấy hụi là: "2 Liêm", bà L đã đóng được 12 lần với số tiền là: 01 phần x 12 lần x 5.000.000 đồng = 60.000.000 đồng. Hụi này khui tại nhà bà H và ông C nhưng do con trai và con dâu bà H là ông T và bà G đi gom hụi. Đến lần khui thứ 13 vào khoảng tháng 7/2021 âm lịch thì dây hụi này bị bể nhưng bà H và ông C vẫn gom hụi chết của những hụi viên đã hốt mà không giao hụi cho bà Nguyễn Thị L.

Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị H và ông Trần Văn C trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi còn lại là 57.500.000 đồng (đã trừ đầu thảo 2.500.000 đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Lê Thị H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn C trình bày:

Bà và ông C đã tuyên bố trong gia đình là từ năm 2016 trở đi sẽ giao hụi lại cho con trai và con dâu của bà là ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị G. Do đó, số hụi của nguyên đơn bà H không biết và cũng không còn liên quan đến vợ chồng bà. Bà cũng có tuyên bố với một số hụi viên như vậy nhưng lâu quá nên bà không nhớ đã tuyên bố với hụi viên nào và có tuyên bố cho bà L biết hay không. Bà có thấy bà L đi khui hụi tại nhà bà nhưng không nhớ mấy lần.

Từ thời gian 2016 đến nay, con trai và con dâu của bà là ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị G có mượn nhà bà khui hụi nhưng bà và ông C hoàn toàn không có tham gia, cũng không có thu, gom tiền hụi của ai.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Bà N không có tham gia chung dây hụi với bà L. Trước giờ bà chỉ tham gia hụi của vợ chồng con trai và con dâu bà H là ông T và bà G. Bà biết bà L trước đây tham gia hụi là của vợ chồng bà H và ông C nhưng từ năm 2016, khi con trai bà H chết thì bà có nghe bà H nói là vợ chồng bà H đã bàn giao hụi lại cho vợ chồng ông T, bà G.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 224, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; căn cứ Điều 15, Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 18, Điều 27 của Nghị định số

19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; căn cứ khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Trần Văn C và bà Lê Thị H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 57.500.000 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải cùng liên đới trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2023, bị đơn bà H có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì lý do từ năm 2016 đến nay bà không còn làm chủ hụi nữa mà do bà G phô tô lại các giấy hụi của bà rồi đi gom hụi, hốt hụi của các hụi viên, sau đó hụi bể thì các hụi viên lấy giấy hụi này để đi khởi kiện bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và cho rằng bà H và ông C làm chủ hụi, không phải do ông T và bà G làm chủ hụi; dây hụi này bà đóng được 12 lần, đến lần thứ 13 thì bể hụi, chỉ có bà H là người đến nhận tiền hụi của bà, con bà H chỉ chở bà H đi, không có nhận tiền của bà. Bị đơn bà H không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng bà đã chuyển giao vai trò làm chủ hụi cho vợ chồng con trai bà là ông T và bà G từ năm 2016, nên bà không có làm chủ hụi đối với dây hụi nguyên đơn khởi kiện. Dây hụi nguyên đơn khởi kiện khui ngày 02/3/2017 là do ông T và bà G làm chủ hụi, khui hụi, ông T và bà G mượn nhà bà để khui dây hụi này, hụi ngưng khoảng tháng 3/2021 do dịch Covid 19, lúc khui hụi đến khi ngưng hụi thì nhà ông T và bà G ở kế bên nhà bà; ông T và bà G là người gom tiền hụi và giao tiền hụi không phải bà, nên bà không có trách nhiệm trả tiền hụi cho nguyên đơn. Các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ ba (sau khi tạm ngừng), bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hùm đều vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn bà H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà H về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì lý do từ năm 2016 đến nay bà không còn làm chủ hụi nữa mà do bà G phô tô lại các giấy hụi của bà rồi đi gom hụi, hốt hụi của các hụi viên, sau đó bể hụi thì các hụi viên lấy giấy hụi này để đi khởi kiện bà. Xét thấy, khi kháng cáo bà H có cung cấp Đơn trình bày xác nhận nhân chứng là bà Trần Thị Ơ trình bày: Trong các dây hụi khui ngày 29/4/2019, hụi tháng 1.000.000 đồng, hụi có 32 phần; dây hụi khui ngày 02/3/2017, hụi mùa 5.000.000 đồng, có 15 phần (dây hụi theo đơn khởi kiện của bà L) và dây hụi khui ngày 29/3/2019, hụi mùa 5.000.000 đồng, có 15 phần là do bà G khui hụi và đi thu tiền hụi của bà, chứ không phải bà H. Ngoài lời trình bày ra thì bà Ơ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp. Trong khi đó, theo người làm chứng bà Dương Thị S xác định: Đối với danh sách hụi khui ngày 02/3/2017 dây hụi này do bà H và ông C làm chủ hụi, hụi mùa 5.000.000 đồng (04 tháng khui một lần), hụi có 15 phần, trong danh sách hụi ghi tên "SK" là tên của bà và tên chồng bà, dây hụi này đóng được 12 lần và đến lần thứ 13 thì bể hụi, sau khi bể hụi thì bà H và ông C có trả cho bà được 7.000.000 đồng rồi ngưng cho tới nay; bà H cho rằng ông T và bà G làm chủ dây hụi này là không đúng, ông T và bà G làm chủ các dây hụi khác sau này, không liên quan đến dây hụi này, dây hụi này khui tại nhà bà H và ông C, từ trước tới nay bà H đi gom hụi, có khi con bà H chở bà H đi gom hụi. Ngoài ra, ông T và bà G đều xác nhận dây hụi khui ngày 02/3/2017, hụi mùa 5.000.000 đồng, có 15 phần là do bà H và ông C làm chủ hụi, trong danh sách hụi ghi tên "Hai Liêm" là tên chồng của bà L, bà L tham gia 01 phần tại số thứ tự 12 trên danh sách hụi, hụi này là hụi mùa (04 tháng khui một lần), hụi này khui xong 12 lần đến lần thứ 13 là bể hụi, nên bà H và ông C còn thiếu bà L tổng số tiền hụi là 60.000.000 đồng; bà H có nhờ ông, bà chở đi gom hụi và nạp hụi giùm. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác định dây hụi nguyên đơn khởi kiện là có thật, ông T và bà G mượn nhà bà để khui hụi, hụi ngưng khoảng tháng 3/2021, bà đã chuyển giao vai trò làm chủ hụi cho vợ chồng con trai bà là ông T và bà G từ năm 2016, nên bà không có làm chủ hụi đối với dây hụi nguyên đơn khởi kiện. Ngoài lời trình bày ra thì bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bà đã chuyển giao hụi lại cho ông T và bà G làm chủ hụi đối với dây hụi mùa nêu trên và bà cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà đã thông báo cho hụi viên biết bà ngưng hụi. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ

thẩm xác định dây hụi mùa khui ngày 02/3/2017 là do bà H và ông C làm chủ hụi và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Từ những nhận định tại mục [3] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà H sinh năm 1951 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn ông Trần Văn C và bà Lê Thị H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 57.500.000 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải cùng liên đới trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn C và bà Lê Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn